

Bản án số: 51/2021/DS-ST

Ngày: 17-9-2021

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Kim Mến;

Ông Lê Trung Hiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng:** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

*2. Bị đơn:* Bà Lê Thị T T (B), sinh năm 1985 và ông Nguyễn H L, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Bà H H có mặt. Bà T T ông H L vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2021 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H H trình bày:*

Bà làm chủ hội, vợ chồng bà T T và ông H L tham gia 03 dây, cụ thể như sau:  
Dây hội 1: Hội nửa tháng, mỗi chân hội 1.000.000 đồng, mở ngày 09/10/2017, đã kết thúc ngày 10/06/2020, có tất cả 73 chân hội, vợ chồng bà T T và ông H L chơi 02 chân và đã hốt hội tổng số tiền là 103.200.000 đồng. Vợ chồng bà T T và ông H L còn nợ hội chết của bà là 12 lần x 02 chân hội x 1.000.000 đồng/chân = 24.000.000 đồng.

Dây hội 2: Hội nửa tháng, mỗi chân hội 2.000.000 đồng, mở ngày 24/05/2018, đã kết thúc ngày 10/11/2020, có tất cả 60 chân hội. Vợ chồng bà T T và ông H L chơi 02 chân và đã hốt hội tổng số tiền là 168.575.000 đồng. Vợ chồng bà T T và ông H L nợ hội chết bà là 03 lần x 02 chân hội x 2.000.000 đồng/chân = 12.000.000 đồng.

Dây hội 3: Hội nửa tháng, mỗi chân 1.000.000 đồng, mở ngày 16/04/2019, ngưng hoạt động từ ngày 05/09/2020, có tất cả 50 chân. Vợ chồng bà T T và ông H L chơi 01 chân và đã hốt hội ở lần thứ 25 ngày 04/04/2020 tổng số tiền là 40.625.000 đồng. Vợ chồng bà T T và ông H L còn nợ hội chết bà H H 21 lần x 01 chân hội = 21.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà H H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T T và ông H L trả cho bà H H số tiền 57.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên toà bà H H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T T và ông H L trả số tiền hội tổng là 46.080.000 đồng theo như lời thừa nhận của bà T T tại biên bản lấy lời khai của Toà án.

- Đối với bị đơn bà Lê Thị T T và ông Nguyễn H L: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà T T và ông H L vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/6/2021 của Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, bà Lê Thị T T trình bày:*

Bà có tham gia chơi hội của bà H H do bà H H làm chủ hội và bà còn thiếu tiền bà H H cụ thể như sau:

Đối với hai dây hội đầu bà thống nhất với lời trình bày của bà H H, bà còn thiếu bà H H dây hội đầu là 24.000.000 đồng, dây hội 2 còn nợ bà H H 12.000.000 đồng.

Đối với dây hội 3 bà tham gia chơi là hội thời gian nửa tháng, khai ngày 16/4/2019 (âm lịch), có 50 chân, bà tham gia 01 chân, hốt hội 40.625.000 đồng. Dây hội này bà chỉ còn nợ hội chết của bà H H 16 lần là 16.000.000 đồng, chứ không phải là 21.000.000 đồng như bà H H trình bày. Tuy nhiên, số tiền 16.000.000 đồng là có tính lãi trong đó, nay bà chỉ đồng ý trả cho bà H H số tiền gốc thực nợ là 630.000 đồng/ chân x 16 chân = 10.080.000 đồng.

Tổng số tiền 03 dây hội bà đồng ý trả cho bà H H là 46.080.000 đồng. Bà H H làm chủ hội nhưng chưa trả tiền hội cho những hội viên khác, khi nào bà H H trả tiền hội cho những hội viên khác thì bà mới trả số tiền hội cho bà H H. Bà và ông H L kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn, hiện đang sống chung nhà nhưng ông H L không biết việc bà chơi hội, tiền hốt hội bà phục vụ cho việc mua bán rau cải vì bà làm nghề

bán rau cải. Bà yêu cầu chỉ mình bà trả số tiền hui cho bà H H, không yêu cầu ông H L cũng trả với bà.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/6/2021 của Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, ông Nguyễn H L trình bày:*

Ông không đồng ý trả số tiền hui cho bà H H vì việc chơi hui do bà T T vợ ông tham gia chơi, ông không có tham gia chơi và không biết gì về việc bà T T chơi hui nên ông không có liên quan gì đến số nợ của bà H H. Ông và bà T T cưới nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn năm 2003 theo quy định, hiện nay vẫn sống chung nhà với bà T T.

*- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 từ giai đoạn thụ H L cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Bị đơn bà T T và ông H L đã được triệu tập hợp theo quy định nhưng vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị T T và ông Nguyễn H L.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà T T và ông H L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H H số tiền hui là 46.080.000 đồng và tuyên trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm và trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt các bị đơn:

Xét thấy bị đơn bà Lê Thị T T và ông Nguyễn H L đã được Toà án triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T T và ông H L.

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà H H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T T và ông H L trả cho bà H H số tiền hui là 57.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà H H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T T và ông H L trả số tiền hui tổng là 46.080.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H H không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H H:

Tại biên bản lấy lời khai bà T T thống nhất có tham gia chơi hui do bà H H làm chủ hui và còn nợ bà H H tiền dây hui 1 là 24.000.000 đồng, dây hui 2 là 12.000.000 đồng, dây hui 3 là 10.080.000 đồng. Tổng số tiền là 46.080.000 đồng. Bà H H cũng

thống nhất bà T T còn nợ bà H H tổng số tiền là 46.080.000 đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà H H đối với số tiền hui là 46.080.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Bà H H không yêu cầu bà T T ông H L trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà H H yêu cầu bà T T và ông H L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui cho bà H H. Bà T T và ông H L cho rằng chỉ có bà T T tham gia chơi hui, ông H L không biết và không tham gia hui cùng bà T T nên ông H L không có trách nhiệm liên đới trả nợ. Tuy nhiên, bà T T trình bày bà sử dụng tiền hui vào mục đích mua bán rau, không phải phục vụ cho nhu cầu riêng của cá nhân và bà T T và ông H L là vợ chồng hợp pháp, số nợ hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên số tiền hui là nợ chung của bà T T và ông H L. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần buộc bà T T và ông H L liên đới trả tiền nợ hui cho bà H H.

Bà T T đề nghị khi nào bà H H trả tiền hui cho các hui viên khác thì bà T T mới trả tiền cho bà H H. Xét thấy bà T T đã lĩnh hui nên bà T T phải có nghĩa vụ trả tiền hui cho các hui viên khác theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Việc bà T T chậm góp tiền hui trong nhiều kỳ, bà H H không có tiền để trả tiền hui cho các hui viên khác đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của bà H H và các hui viên khác. Do đó, ý kiến của bà T T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H H đối với bà Lê Thị T T và ông Nguyễn H L. Buộc bà Lê Thị T T và ông Nguyễn H L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H H số tiền nợ hui là 46.080.000 đồng.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị T T và ông Nguyễn H L có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.304.000 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận). Bà Nguyễn Thị H H không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản H L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H H đối với bị đơn bà Lê Thị T T và ông Nguyễn H L.**

Buộc bà Lê Thị T T và ông Nguyễn H L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H H số tiền tổng cộng là 46.080.000 đồng (bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn bà Lê Thị T T và ông Nguyễn H L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.304.000 đồng (hai triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H H không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.425.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009256 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**4. Về việc thi hành án:** Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện DS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mến**